

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 29 - 01 - 2018

V/v Xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tám.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Năm.

2. Ông Trần Công Chiêu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Công Lý - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Quân - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 272/2017/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2017 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2018/QĐXX-ST ngày 02 tháng 01 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2018/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **Dương Hoàng N**, sinh năm 1983. (Có mặt)

Địa chỉ: ấp H, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* **Trần Thị Thu N**, sinh năm 1988. (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Dương Hoàng N trình bày: Anh và chị N cưới nhau năm 2007 nhưng đến ngày 13/3/2008 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L. Sau khi cưới anh chị sống hạnh phúc đến đầu năm 2016 thì xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do anh chị bất đồng quan điểm sống. Nay anh xác định tình cảm không thể hàn gắn được với chị N nên xin ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung tên Dương Hoàng Hải Y, sinh ngày 01/3/2009, hiện đang sống với anh N. Ly hôn, anh yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, anh không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

* Bị đơn chị Trần Thị Thu N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt nên không thể hiện được ý kiến chị N trong hồ sơ vụ án.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng theo quy định pháp luật. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Dương Hoàng N.

Về hôn nhân: Anh N được ly hôn với chị N.

Về con chung: Giao cho anh Dương Hoàng N được tiếp tục nuôi 01 con chung tên Dương Hoàng Hải Y, sinh ngày 01/3/2009. Chị Trần Thị Thu N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Theo đơn xin ly hôn anh N yêu cầu được ly hôn với chị N nên quan hệ pháp luật là “Xin ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng: Bị đơn chị Trần Thị Thu N đã được Tòa án thực hiện hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị N theo quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa anh N và chị N là hôn nhân hợp pháp. Quá trình sống chung vợ chồng bất đồng quan điểm sống dẫn đến anh chị sống ly thân từ năm 2016, anh N và chị N không cùng nhau khắc phục mà để ly thân kéo dài cho đến nay. Điều này cho thấy tình trạng hôn nhân giữa anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh N yêu cầu ly hôn phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho anh N được ly hôn với chị N.

[4] Về con chung: Anh chị có 01 con chung tên Dương Hoàng Hải Y, sinh ngày 01/3/2009, hiện nay cháu đang sống với anh N. Ly hôn, anh N yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung. Xét yêu cầu của anh N phù hợp với nguyện vọng của cháu Y là muốn sống với anh. Mặt khác, qua xác minh tại địa phương từ khi anh N và chị N sống ly thân cho đến nay anh N vẫn đảm bảo điều kiện nuôi con. Do đó, anh N yêu cầu được nuôi con phù hợp Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Anh N không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Anh N không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Anh N phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định.

[7] Xét đề nghị của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân: Cho anh Dương Hoàng N được ly hôn với chị Trần Thị Thu N.

2. Về con chung: Giao cho anh Dương Hoàng N được tiếp tục nuôi 01 con chung tên Dương Hoàng Hải Y, sinh ngày 01/3/2009. Chị Trần Thị Thu N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Anh Dương Hoàng N phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng anh đã nộp theo biên lai số 38829 ngày 02/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây. Như vậy, anh N đã nộp xong án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng thời hạn kháng cáo của chị N là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Gò Công Tây;
- Chi cục THADS huyện Gò Công Tây;
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Tám

